

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 5

HƯỚNG DẪN NHẬP DỮ LIỆU THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT, LỚP 10 CHUYÊN

(Kèm theo Hướng dẫn số 36 /HD-SGDĐT ngày 16/4/2019 của Sở GDĐT)

I. Hướng dẫn nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 THPT

1. Những qui định chung

- Dữ liệu của kỳ thi được nhập vào file mẫu thống nhất trong toàn tỉnh, mẫu do Sở gửi về các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT, các trường THCS.

- Trường THCS thực hiện nhập dữ liệu cho những học sinh tốt nghiệp THCS năm 2019 nộp hồ sơ tại trường THCS để dự thi tuyển vào lớp 10 các trường THPT trong huyện.

- Trường THPT thực hiện nhập dữ liệu cho những học sinh nộp hồ sơ tại trường THPT, những học sinh tốt nghiệp THCS từ năm 2018 trở về trước, học sinh thuộc địa bàn giáp ranh, học sinh ngoài tỉnh.

- Đặc điểm của mẫu nhập liệu: Có những vùng được phép nhập dữ liệu, có những vùng bị khoá không cho phép nhập dữ liệu.

- Trong mẫu nhập liệu: Có những chi tiết máy sẽ tự động điền vào khi thực hiện in dữ liệu.

- Nhập từng mẫu tin vào file dữ liệu, *tuyệt đối không được copy từ danh sách lưu tại đơn vị vào file dữ liệu* vì điều này sẽ làm sai lệch định dạng dữ liệu.

- Nhập **theo thứ tự hồ sơ học sinh** đã sắp xếp theo **Mục 1, Phần I, Phụ lục 4**.

- Các máy tính phục vụ dữ liệu thi tuyển sinh lớp 10 phải được kiểm tra, quét sạch virus, cài đặt Microsoft Office (Word và Excel), bộ công cụ (User, tiện ích Tiếng Việt) tương thích với phiên bản Excel, sử dụng font: Cambria.

2. Hướng dẫn nhập dữ liệu

Nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 THPT vào tập tin mẫu (**Maunhapthituyen10.xls, sheet DSTHPT**) từ cột 1 đến cột 22. Chi tiết nhập dữ liệu như sau:

2.1. STT (cột 01): Nhập số thứ tự bắt đầu từ số 1.

2.2. Họ tên (cột 02): Nhập in hoa ký tự đầu mỗi từ, giữa mỗi từ chỉ có duy nhất một khoảng trống, không được có khoảng trống đầu hoặc cuối chuỗi họ tên.

2.3. Giới tính (cột 03): Nhập **Nam** hoặc **Nữ**.

2.4. Ngày tháng năm sinh (cột 04, 05, 06):

- **NG** (cột 04): nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **ngày sinh** của học sinh. Không có ngày sinh, không nhập.

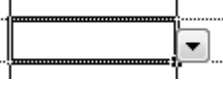
- **TH** (cột 05): nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **tháng sinh** của học sinh. Không có tháng sinh, không nhập.

- **NA** (cột 06): nhập dạng chuỗi gồm 04 ký tự **năm sinh** của thí sinh.

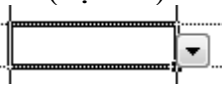
2.5. Nơi sinh (cột 07): Chỉ nhập tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, không viết tắt. Cho phép viết tắt cụm từ “Thành phố” thành “TP”.

Ví dụ: Đồng Tháp, An Giang, TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ

2.6. Dân tộc (cột 08): Nhập tên dân tộc. Ví dụ: Kinh, Hoa, Khome, ...

2.7. Huyện, thị, TP (cột 09): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thị xã, thành phố trong danh sách. Đối với học sinh học ở ngoài tỉnh, chọn tên tỉnh.

Lưu ý: Đối với trường THPT, nhập dữ liệu cho học sinh ngoài tỉnh, nếu tên tỉnh không có trong danh sách, bổ sung tên tỉnh, tên trường THCS tương ứng ở nội dung tô màu vàng, Mục 1, Mục 2, Sheet Thongso.

2.8. Trường THCS (cột 10): Sau khi chọn tên huyện, thị xã, thành phố, Click vào nút mũi tên () để chọn tên trường THCS.

2.9. Xếp loại cả năm lớp 9:

- **HK** (cột 11): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.

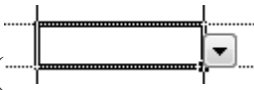
- **HL** (cột 12): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**, Yếu nhập **Y**.

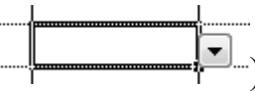
2.10. Xếp loại TN THCS (cột 13): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.


2.11. Năm TN THCS/BT THCS (Cột 14): Nhập năm tốt nghiệp THCS/BT THCS. Ví dụ: Học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2017 – 2018 nhập “2018”.

2.12. Mã UT (từ cột 15 đến cột 17): Nhập mã ưu tiên. Nếu học sinh có nhiều ưu tiên thì nhập theo thứ tự các cột: (cột 15)-UT1, (cột 16)-UT2, (cột 17)-UT3.

2.13. Nguyên vọng THPT:

- **Huyện** (cột 18): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thị xã, thành phố trong danh sách (địa bàn tuyển sinh của trường THPT).

- **NV1** (cột 19): Click vào nút mũi tên () mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 1.

- NV2 (cột 20): Click vào nút mũi tên () mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyễn vọng 2.

Lưu ý: mã trường nguyên vọng 1, mã trường nguyên vọng 2- *xem Phần IV. Danh sách trường THPT của Phụ lục này*).

2.14. Lớp (cột 21): Nhập tên lớp học sinh đang học. Thí sinh tự do nhập TDO.

2.15. Địa chỉ (cột 22): Nhập địa chỉ cụ thể, rõ ràng, chi tiết: số nhà, tổ, khóm/ấp, xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

* **Lưu ý:** Những cột tô màu Xanh, không nhập dữ liệu.

3. Đặt tên tập tin, ghi đĩa CD gửi về trường THPT (Trường THCS thực hiện)

- Tên tập tin là chuỗi ký tự không dấu.

- Cấu trúc: **DT<Mã trường THPT>< Tên trường THCS>_2019.xls**.

Danh sách mã trường THPT - xem Phần IV. Danh sách trường THPT của Phụ lục này)

Ví dụ:

+ Nhóm học sinh Trường THCS Phú Lợi, dự tuyển vào Trường THPT Thanh Bình 1. Tên tập tin là **DT09301_Phu Loi_2019.xls**.

+ Nhóm học sinh Trường THCS Phú Lợi, dự tuyển vào Trường THCS-THPT Tân Mỹ. Tên tập tin là **DT09303_Phu Loi_2019.xls**.

- Ghi dữ liệu riêng mỗi file ra đĩa CD, gửi đĩa CD có dữ liệu, danh sách học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT cùng với hồ sơ về từng trường THPT.

4. Nhận dữ liệu từ trường THCS - Ghép nối dữ liệu

a) Nhận dữ liệu từ trường THCS:

- Trường THPT nhận dữ liệu từ trường THCS (đĩa CD và danh sách) cùng với hồ sơ học sinh (hồ sơ học sinh trường THCS sắp xếp theo thứ tự danh sách).

- Trường THPT kiểm tra lại tính chính xác từ hồ sơ học sinh, danh sách học sinh dự tuyển vào lớp 10 trường THPT (căn cứ vào khai sinh, học bạ, các giấy tờ khác có liên quan, ...), nếu có sai sót phải **điều chỉnh dữ liệu trước khi ghép nối**.

b) Ghép nối dữ liệu từ các trường THCS:

Sao chép lần lượt dữ liệu của các trường THCS cùng với dữ liệu trường THPT đã nhập ghép vào 01 file mẫu, không thực hiện sắp xếp lại danh sách.

Lưu ý: Trình tự ghép như sau:

B1: Mở tập tin dữ liệu của 1 trường THCS.

B2: Chọn tất cả dòng có dữ liệu.

B3: Dùng lệnh Copy.

B4: Đặt con trỏ vào vị trí cần Paste trong file mẫu, dùng chức năng **Paste Special** → **Value** (Không sử dụng Paste có công thức). Đặt tên tập tin.

c) **Nhập Danh sách thành viên tham gia coi thi, chấm thi (theo Mục III phụ lục này)**

d) **Đặt tên tập tin, ghi dữ liệu ra đĩa CD gửi về Sở:**

- Tên tập tin là chuỗi ký tự không dấu.

- Cấu trúc: <Mã trường _Tên trường THPT>_2019.xls.

Ví dụ: Trường THPT Thanh Bình 1. Tên tập tin là 09301_ThanhBinh1_2019.xls

- Ghi dữ liệu ra đĩa CD, gửi đĩa CD có dữ liệu về Sở GDĐT theo thời gian quy định.

II. Hướng dẫn nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 chuyên

1. Những qui định chung

- Dữ liệu của kỳ thi được nhập vào file mẫu do Sở gửi về 02 trường chuyên.

- Thực hiện nhập dữ liệu cho từng học sinh khi nộp hồ sơ tại trường THPT chuyên.

- Đặc điểm của mẫu nhập liệu: Có những vùng được phép nhập dữ liệu, có những vùng bị khoá không cho phép nhập dữ liệu.

- Trong mẫu nhập liệu: Có những chi tiết máy sẽ tự động điền vào khi thực hiện in dữ liệu.

- Các máy tính phục vụ dữ liệu thi tuyển sinh lớp 10 phải được kiểm tra, quét sạch virus, cài đặt Microsoft Office (Word và Excel), bộ công cụ (User, tiện ích Tiếng Việt) tương thích với phiên bản Excel, sử dụng font: Cambria.

2. Hướng dẫn nhập dữ liệu danh sách thí sinh dự thi

Nhập dữ liệu tuyển sinh lớp 10 THPT vào tập tin mẫu (**Maunhapthituyen10CH.xls, sheet DSChuyen**) từ cột 1 đến cột 28. Chi tiết nhập dữ liệu như sau:

2.1. STT (cột 01): Nhập số thứ tự bắt đầu từ số 1.

2.2. Họ tên (cột 02): Nhập in hoa ký tự đầu mỗi từ, giữa mỗi từ chỉ có duy nhất một khoảng trống, không được có khoảng trống đầu hoặc cuối chuỗi họ tên.

2.3. Giới tính (cột 03): Nhập **Nam** hoặc **Nữ**.

2.4. Ngày tháng năm sinh (cột 04, 05, 06):

- **NG (cột 04):** nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **ngày sinh** của học sinh. Không có ngày sinh, không nhập.


- **TH** (cột 05): nhập dạng chuỗi gồm 02 ký tự **tháng sinh** của học sinh. Không có tháng sinh, không nhập.

- **NA** (cột 06): nhập dạng chuỗi gồm 04 ký tự **năm sinh** của thí sinh.

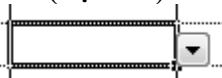
2.5. Nơi sinh (cột 07): Chỉ nhập tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, không viết tắt. Cho phép viết tắt cụm từ “Thành phố” thành “TP”.

Ví dụ: Đồng Tháp, An Giang, TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ

2.6. Dân tộc (cột 08): Nhập tên dân tộc. Ví dụ: Kinh, Hoa, Khome, ...

2.7. Huyện, thị, TP (cột 09): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thị xã, thành phố trong danh sách. Đối với học sinh học ở ngoài tỉnh, chọn tên tỉnh.

Lưu ý: Đối với trường THPT, nhập dữ liệu cho học sinh ngoài tỉnh, nếu tên tỉnh không có trong danh sách, bổ sung tên tỉnh, tên trường THCS tương ứng ở nội dung tô màu vàng, Mục 1, Mục 2, Sheet Thongsó.

2.8. Trường THCS (cột 10): Sau khi chọn tên huyện, thị xã, thành phố, Click vào nút mũi tên () để chọn tên trường THCS.

2.9. Xếp loại cả năm lớp 9:

- **HK** (cột 11): Tốt nhập **T**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.


- **HL** (cột 12): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**, Yếu nhập **Y**.


2.10. Xếp loại TN THCS (cột 13): Giỏi nhập **G**, Khá nhập **K**, Trung bình nhập **TB**.


2.11. Năm TN THCS/BT THCS (Cột 14): Nhập năm tốt nghiệp THCS/BT THCS. Ví dụ: Học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2017 – 2018 nhập “2018”.

2.12. Mã UT(từ cột 15 đến cột 17): Nhập mã ưu tiên. Nếu học sinh có nhiều ưu tiên thì nhập theo thứ tự các cột: (cột 15)-UT1, (cột 16)-UT2, (cột 17)-UT3.

2.13. Nguyên vọng THPT:


- **Huyện** (cột 18): Click vào nút mũi tên () để chọn tên huyện, thị xã, thành phố trong danh sách (địa bàn tuyển sinh của trường THPT).

- **NV1** (cột 19): Click vào nút mũi tên () mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 1.

- **NV2** (cột 20): Click vào nút mũi tên () mã trường mà học sinh đăng ký dự tuyển Nguyên vọng 2.

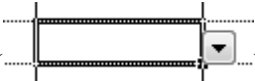
Lưu ý: mã trường nguyện vọng 1, mã trường nguyện vọng 2- xem Phần IV. Danh sách trường THPT của Phụ lục này).

2.14. Nguyện vọng thi chuyên:

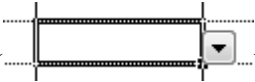
- **Mã trường** (cột 21): Click vào nút mũi tên () để chọn mã trường chuyên

(NDC: Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu;


NQD: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu).

- **Mã môn CH1** (cột 22): Click vào nút mũi tên () mã môn chuyên 1 mà học sinh đăng ký dự thi môn chuyên 1.

- **ĐTB CN môn CH1** (cột 23): Nhập điểm trung bình cả năm môn chuyên chuyên 1.

- **Mã môn CH2** (cột 24): Click vào nút mũi tên () mã môn chuyên 2 mà học sinh đăng ký dự thi môn chuyên 1. Trường hợp học sinh không đăng ký, không nhập.

- **ĐTB CN môn CH2** (cột 25): Nhập điểm trung bình cả năm môn chuyên chuyên 2. Trường hợp học sinh không đăng ký, không nhập.

- **Không chuyên** (cột 26): Click vào nút mũi tên () chọn Đồng ý hoặc Không đồng ý

Lưu ý: mã môn chuyên 1, môn chuyên 2 quy định như sau:

TT	Tên môn	Mã môn chuyên 1	Mã môn chuyên 2
01	Toán	TO1	TO2
02	Vật lý	VL1	VL2
03	Hoá học	HH1	HH2
04	Sinh học	SH1	SH2
05	Ngữ văn	NV1	NV2
06	Lịch sử	LS1	LS2
07	Địa lý	DL1	DL2
08	Tiếng Anh	TA1	TA2
09	Tin học	TI1	TI2

2.15. Lớp (cột 27): Nhập tên lớp học sinh đang học.

2.16. Địa chỉ (cột 28): Nhập địa chỉ cụ thể, rõ ràng, chi tiết: số nhà, tổ, khóm/ấp, xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

3. Nhập Danh sách thành viên tham gia coi thi, chấm thi (theo Mục III phụ lục này).

4. Đặt tên tập tin, ghi dữ liệu ra đĩa CD gửi về Sở:

- Tên tập tin là chuỗi ký tự không dấu.
- Cấu trúc: <Mã trường>_2019L10CH.xls.

Ví dụ: Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu. Tên tập tin là NDC_2019L10CH.xls

- Ghi dữ liệu ra đĩa CD, gửi đĩa CD có dữ liệu về Sở GDĐT theo thời gian quy định.

III. Nhập dữ liệu danh sách nhân sự tham gia coi thi, chấm thi

1. Về coi thi

Dự kiến mỗi trường THPT là 01 hội đồng coi thi, đơn vị nhập danh sách nhân sự tham gia coi thi theo mẫu đính kèm trong file nhập dữ liệu thí sinh dự thi, sheet GVcoithi. Căn cứ số lượng thí sinh dự thi, tính số phòng thi (mỗi phòng thi không quá 24 thí sinh), tính số lượng thành viên hội đồng coi thi như sau:

- Chủ tịch Hội đồng coi thi: 01
- P.Chủ tịch Hội đồng coi thi phụ trách chuyên môn: 01
- P.Chủ tịch Hội đồng coi thi phụ trách cơ sở vật chất: 01
- Thư ký: 01
- Giám thị coi thi: số phòng thi x 2 + số giám thị dự phòng (không quá 7 phòng thi bố trí 2 giám thị dự phòng)
- Y tế: 01
- Bảo vệ: 01
- Phục vụ: 01

Gửi về Sở cùng với dữ liệu thí sinh dự thi bằng đĩa CD.

2. Về chấm thi

- Mỗi trường THPT cử toàn bộ giáo viên dạy môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (trừ giáo viên đang giảng dạy lớp 12), cử 02 giáo viên/môn (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Tin học) chấm thi các môn chuyên. Hai trường chuyên cử toàn bộ giáo viên các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tin học. Nhập danh sách giáo viên tham gia chấm thi theo mẫu đính kèm trong file nhập dữ liệu thí sinh dự thi, sheet Gvchamthi. Gửi về Sở cùng với dữ liệu thí sinh dự thi bằng đĩa CD.

- Mỗi phòng GDĐT huyện, thị, thành phố cử 10 giáo viên/môn (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) làm công tác chấm thi. Nhập danh sách giáo viên tham gia chấm thi theo file mẫu đính kèm gửi qua email đến các phòng GDĐT. Gửi về Sở qua email: phongktd.sodongthap@moet.edu.vn vào ngày **25/5/2019**.

Lưu ý:

- Phòng GDĐT cử giáo viên chấm thi phải là giáo viên đang trực tiếp giảng dạy bộ môn được đề cử chấm thi ở lớp 9, có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác chấm thi..

- Những người làm công tác coi thi, chấm thi **không** có con, em ruột, em vợ (hoặc chồng), người được giám hộ hoặc được đỡ đầu tham dự kỳ thi.

IV. Danh mục các trường THPT

STT	Mã trường	Trường	Huyện	Mã trường nguyện vọng 1	Mã trường nguyện vọng 2
1	01301	THPT Châu Thành 1	Châu Thành	CT11	CT12
2	01302	THPT Châu Thành 2	Châu Thành	CT21	CT22
3	01303	THPT Tân Phú Trung	Châu Thành	TPT1	TPT2
4	02301	THPT Lai Vung 1	Lai Vung	LVG11	LVG12
5	02302	THPT Lai Vung 2	Lai Vung	LVG21	LVG22
6	02303	THPT Lai Vung 3	Lai Vung	LVG31	LVG32
7	03301	THPT Lấp Vò 1	Lấp Vò	LVO11	LVO12
8	03302	THPT Lấp Vò 2	Lấp Vò	LVO21	LVO22
9	03303	THPT Lấp Vò 3	Lấp Vò	LVO31	LVO32
10	03304	THCS và THPT Bình Thạnh Trung	Lấp Vò	BTT1	BTT2
11	04301	THPT Thành phố Sa Đéc	TP Sa Đéc	SD1	SD2
12	04303	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Tp Sa Đéc	NDC	NDC
13	04302	THPT Nguyễn Du	TP Sa Đéc	NDU1	NDU2
14	05301	THPT thành phố Cao Lãnh	TP Cao Lãnh	TPCL1	TPCL2
15	05302	THPT Trần Quốc Toản	TP Cao Lãnh	TQT1	TQT2
16	05303	THPT Thiên Hộ Dương	TP Cao Lãnh	THD1	THD2
17	05304	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Tp Cao Lãnh	NQD	NQD
18	05305	THPT Đỗ Công Tường	TP Cao Lãnh	DCT1	DCT2
19	06301	THPT Cao Lãnh 1	H.Cao Lãnh	CL11	CL12
20	06302	THPT Cao Lãnh 2	H.Cao Lãnh	CL21	CL22
21	06303	THPT Thống Linh	H.Cao Lãnh	TLI1	TLI2
22	06304	THPT Kiến Văn	H.Cao Lãnh	KV1	KV2
23	06305	THCS và THPT Nguyễn Văn Khải	H.Cao Lãnh	NVK1	NVK2
24	07301	THPT Tháp Mười	Tháp Mười	TM1	TM2
25	07302	THPT Mỹ Quý	Tháp Mười	MQ1	MQ2
26	07303	THPT Trường Xuân	Tháp Mười	TX1	TX2
27	07304	THPT Phú Điền	Tháp Mười	PD1	PD2

STT	Mã trường	Trường	Huyện	Mã trường nguyên vọng 1	Mã trường nguyên vọng 2
28	07305	THPT Đốc Bình Kiều	Tháp Mười	DBK1	DBK2
29	08301	THPT Tràm Chim	Tam Nông	TRC1	TRC2
30	08302	THPT Tam Nông	Tam Nông	TNO1	TNO2
31	08303	THCS và THPT Hoà Bình	Tam Nông	HB1	HB2
32	08304	THCS và THPT Phú Thành A	Tam Nông	PTA1	PTA2
33	09301	THPT Thanh Bình 1	Thanh Bình	TB11	TB12
34	09302	THPT Thanh Bình 2	Thanh Bình	TB21	TB22
35	09303	THCS và THPT Tân Mỹ	Thanh Bình	TMy1	TMy2
36	10301	THPT Hồng Ngự 1	TX Hồng Ngự	HN11	HN12
37	10302	THPT Chu Văn An	TX Hồng Ngự	CVA1	CVA2
38	11301	THPT Hồng Ngự 2	H.Hồng Ngự	HN21	HN22
39	11302	THPT Hồng Ngự 3	H.Hồng Ngự	HN31	HN32
40	11303	THPT Long Khánh A	H.Hồng Ngự	LKA1	LKA2
41	12301	THPT Tân Hồng	Tân Hồng	THg1	THg2
42	12302	THPT Giồng Thị Đam	Tân Hồng	GTD1	GTD2
43	12303	THPT Tân Thành	Tân Hồng	TTh1	TTh2